

BÁO CÁO

**sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế
kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Thực hiện Công văn 3718-CV/BKTTW ngày 01/8/2023 của Ban Kinh tế Trung ương về việc xây dựng Báo cáo sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả đạt được như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT

I- TÌNH HÌNH HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT VÀ TUYÊN TRUYỀN

Quán triệt Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; ngày 22/5/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị trực tuyến thông báo nhanh kết quả Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII để kịp thời thông tin đến cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh; Hội nghị do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp triển khai. Tiếp đến ngày 29/6/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kết nối Hội nghị trực tuyến toàn quốc học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện (tương đương) và các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh với 226 điểm cầu, có 32.188 đảng viên tham dự, đạt 75%. Sau hội nghị, cấp ủy huyện (tương đương) và các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai cho đội ngũ cán bộ, đảng viên còn lại học tập bằng hình thức trực tuyến (Đảng ủy Khôi các cơ quan tỉnh) và theo phương thức truyền thống (các cấp ủy còn lại). Qua đó, có 100% tổ chức đảng triển khai, quán triệt cho trên 92,4% đảng viên trong toàn tỉnh và 24.680 cán bộ ngoài đảng.

Ban Dân vận Tỉnh ủy, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân với hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng về những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII), gắn với việc đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, nhận thức lệch lạc, sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Báo Ấp Bắc, Đài Phát thanh - Truyền

hình tình xây dựng kế hoạch, mở nhiều chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền rộng rãi trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về nội dung của Nghị quyết.

Qua triển khai học tập, quán triệt và tuyên truyền, nhìn chung các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân nhận thức đầy đủ hơn về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết; vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển văn hóa với nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động 19-Ctr/TU ngày 29/8/2017 thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động 346/KH-UBND ngày 11/12/2017 thực hiện Chương trình hành động 19-CTr/TU ngày 29/8/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các văn bản góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường như: Nghị quyết 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 05/2021/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 quy định nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Nghị quyết 29/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030,...

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy tổ chức thực hiện Nghị quyết

Các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội đã quán triệt, nâng cao nhận thức sâu sắc về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW, Chương trình hành động 19-Ctr/TU. Huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực cho tăng trưởng, phát triển; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh; tăng cường cải

thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tổ chức thực hiện thể chế về phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tranh thủ những cơ hội và thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị.

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT

Thực hiện có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở địa phương, góp phần cùng cả nước xây dựng và vận hành đồng bộ, thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; đảm bảo cơ bản tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường; vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện kinh tế của tỉnh.

Lồng ghép, thực hiện các chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực phát triển đô thị; thực hiện tốt công tác lập, công bố, quản lý, điều chỉnh và triển khai quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết trên địa bàn tỉnh; gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế với an sinh xã hội, bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; đầu tư ngân sách và huy động xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa; triển khai Đề án phát triển thể dục, thể thao quần chúng tỉnh giai đoạn 2022 - 2027, định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược, chỉ thị của Trung ương về phát triển gia đình, phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa. Mục tiêu đến năm 2030, tỉnh sẽ cùng với cả nước thực hiện đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy tối đa

thế mạnh và lợi thế của tỉnh, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước.

II- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

- Tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản lý tài sản công; bảo đảm chặt chẽ và sử dụng hiệu quả. Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều Nghị quyết, văn bản điều hành, chỉ đạo trong công tác quản lý tài sản công phù hợp với các quy định của Trung ương. Thực hiện quy định tại Khoản 1, Điều 8, Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 93 Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị của tỉnh. Các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý nhà nước về tài sản được thực hiện thống nhất, có sự phân công, phân cấp thẩm quyền cũng như trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công; các văn bản ban hành kịp thời, đáp ứng và giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong thực tế quản lý, giúp cho việc quản lý, sử dụng tài sản chặt chẽ, tiết kiệm ngân sách, đảm bảo công bằng, minh bạch. Việc mua sắm tài sản được thực hiện đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và công khai minh bạch; dự toán kinh phí đầu tư mua sắm tài sản hàng năm của các đơn vị được công khai theo quy định. Tài sản Nhà nước tại các đơn vị được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, được mở sổ sách, lập hồ sơ để theo dõi tài sản theo quy định; việc thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản Nhà nước được thực hiện thống nhất, đúng trình tự, thủ tục; chế độ quản lý, sử dụng số tiền từ hoạt động bán, thanh lý tài sản Nhà nước được quản lý chặt chẽ, sử dụng cho hoạt động thanh lý và nộp ngân sách. Định kỳ hằng năm, các đơn vị tiến hành công tác kiểm kê tài sản để hạch toán và theo dõi theo đúng quy định. Phần lớn các đơn vị, địa phương đã kịp thời cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trong phần mềm Quản lý tài sản công. Thực hiện tốt việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Thực hiện xử lý kịp thời tài sản của các dự án sử dụng vốn Nhà nước sau khi dự án kết thúc theo đúng quy định, tránh làm thất thoát, lãng phí tài sản. Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

- Công tác hoàn thiện thể chế, tạo thuận lợi phát triển khu vực kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế luôn được quan tâm thực hiện đạt được những kết quả tích cực. Thực hiện tốt công tác sắp xếp lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước; đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác đầu tư công. Triển khai thực hiện tốt cơ chế một cửa và một cửa liên thông trong lĩnh vực đăng ký đầu tư và thành lập doanh nghiệp, rút ngắn thời gian thực hiện so với quy định; đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp qua

mạng điện tử, giảm thời gian, chi phí thành lập doanh nghiệp. Đã rút ngắn thời gian trả kết quả đối với hồ sơ thành lập mới doanh nghiệp còn 02 ngày (quy định tối đa là 3 ngày); thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án trong các khu, cụm công nghiệp còn 09 ngày và đối với dự án nằm ngoài các khu, cụm công nghiệp là 20 ngày (quy định tối đa là 35 ngày). Tỷ lệ đăng ký qua mạng điện tử tăng nhanh so với trước khi thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW, cụ thể năm 2016 là 0,2%; năm 2017 là 2,8%; năm 2018 là 20%; năm 2019 là 25,6%; năm 2020 là 34%; năm 2021 là 34,5%; năm 2022 là 43,1%; 6 tháng đầu năm 2023 là 45,2%. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh, các doanh nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, có ý thức trách nhiệm cao với cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Giai đoạn 2017-2022, có 4.282 doanh nghiệp và 28.702 hộ kinh doanh thành lập mới; đến tháng 6 năm 2023, tỉnh có 6.400 doanh nghiệp, 5.120 đơn vị trực thuộc và 70.500 hộ kinh doanh hoạt động. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tư nhân giai đoạn năm 2018-2022 tăng 6,3%, cao hơn tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh là 3,6%. Tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân (trong đó bao gồm kinh tế cá thể) trong tổng GRDP của tỉnh năm 2017 đạt 70,7%; năm 2018 đạt 68,9%; năm 2019 đạt 67,3%; năm 2020 đạt 66,2%; năm 2021 đạt 67,6%; năm 2022 đạt 66,2%. Đã hoàn thành thực hiện cổ phần hóa 02 doanh nghiệp Nhà nước (Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công; Công ty cổ phần Chăn nuôi Tiền Giang) và thực hiện sáp nhập Công ty TNHH MTV Cấp nước nông thôn Tiền Giang vào Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang; bàn giao Công ty cổ phần Chăn nuôi Tiền Giang về SCIC quản lý từ tháng 9/2017; Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Tiền Giang tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo quy định.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác xây dựng cơ bản, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân kế hoạch vốn và đảm bảo chất lượng công trình, dự án. Tập trung điều hành quyết liệt công tác xây dựng cơ bản, tiến hành điều chuyển vốn từ các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các dự án có tỷ lệ giải ngân cao. Ưu tiên đầu tư các công trình khắc phục sạt lở, biến đổi khí hậu như đê biển, sạt lở bờ sông. Công tác giải ngân của tỉnh luôn đạt kết quả cao. Tổng vốn đầu tư công giai đoạn 2017-2022 đạt 24,9 ngàn tỷ đồng; bao gồm: Vốn ngân sách địa phương 17,5 ngàn tỷ đồng và vốn ngân sách Trung ương 7,3 ngàn tỷ đồng; các dự án được giao vốn đều đã đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc, thủ tục đầu tư theo quy định tại Điều 51, Điều 52 của Luật Đầu tư công.

- Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp; Đề án Tái cấu trúc ngành công nghiệp tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; trong đó, thực hiện lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm và hàng năm. Các khu, cụm công nghiệp tiếp tục thu hút nhiều doanh nghiệp có quy mô khá, góp phần tăng trưởng công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Nhóm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống vẫn là nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu công nghiệp toàn tỉnh, khoảng 60%;

tuy nhiên, về trình độ, công nghệ sản xuất của ngành này chưa cao, chủ yếu là sơ chế (thủy sản, trái cây,...) hoặc phụ thuộc vào nguyên, phụ liệu nhập khẩu (thức ăn chăn nuôi,...), đồng thời chưa thu hút nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm mới hoặc chế biến tinh, do đó sản phẩm có giá trị gia tăng thấp, đôi lúc bị động trong sản xuất. Giai đoạn 2017-2023, từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương và khuyến công quốc gia tỉnh đã thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thực hiện 37 dự án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng máy móc tiên tiến, tiên bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn, đào tạo nghề cho lao động nông thôn,...; qua đó, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm sản xuất công nghiệp ở nông thôn.

- Phát triển hoạt động kinh tế tập thể tiếp tục đạt kết quả tích cực. Từ 2017 đến nay, đã tổ chức 160 cuộc tuyên truyền Luật, hướng dẫn thành lập mới hợp tác xã cho người dân nông thôn; tổ chức 40 lớp đào tạo tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nâng cao chất lượng cho cán bộ quản lý; hỗ trợ kinh phí chi trả lương cho 33 cán bộ trẻ về làm việc cho 27 hợp tác xã, với hơn 1,7 tỷ đồng. Tổ chức 89 lượt củng cố, nâng chất hợp tác xã và rà soát đánh giá, hướng dẫn các hợp tác xã đạt chỉ tiêu 13.1 thuộc tiêu chí 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn ở 11 huyện, thị, thành. Thực hiện thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tỉnh giai đoạn 2017-2020, trong đó chọn ra 10 hợp tác xã nông nghiệp (05 lĩnh vực trái cây, 05 lĩnh vực lúa gạo) để xây dựng thí điểm mô hình hợp tác xã kiểu mới. Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh có Kế hoạch 372/KH-UBND ngày 10/12/2021 về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, phê duyệt danh mục 109 dự án/kế hoạch liên kết. Đến nay, có 29 dự án/kế hoạch liên kết được phê duyệt triển khai với tổng kinh phí thực hiện là 107,5 tỷ đồng (trong đó nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 19,4 tỷ đồng), huy động 29 hợp tác xã nông nghiệp, 40 doanh nghiệp, khoảng 940 hộ nông dân tham gia liên kết chuỗi giá trị nông sản. Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện 04 dự án chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ về sầu riêng; thanh long; xoài cát Hòa Lộc; sản phẩm gà ác và sản phẩm chim cú trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030. Toàn tỉnh hiện có 1 Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp và 251 hợp tác xã, 16 Quỹ Tín dụng nhân dân đang hoạt động.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tập trung các nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm các hỗ trợ chung như: Tiếp cận tín dụng; thuế, kế toán; mặt bằng sản xuất; kinh doanh,... và các hỗ trợ trọng tâm: doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung của Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” phù hợp với điều

kiện và tình hình thực tiễn của tỉnh; thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo tại tỉnh; tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các doanh nghiệp thực hiện các dự án đổi mới công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất đã được hỗ trợ cho vay từ nguồn vốn của Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch 331/KH-UBND ngày 22/11/2018 triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Tỉnh đã tập trung các giải pháp nhằm tạo môi trường thông thoáng, minh bạch trong đầu tư kinh doanh cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp an tâm sản xuất, kinh doanh. Trong đó, tập trung chỉ đạo rà soát, sửa đổi chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trên địa bàn; cải cách hành chính,.... Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các kế hoạch hành động để thực hiện hàng năm; nội dung chính là đề ra các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhằm tạo động lực cho doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, phù hợp với những cam kết quốc tế trong các lĩnh vực: tiếp cận đất đai, tiếp cận nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp cận thị trường, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ. Trong giai đoạn 2017 - 2022, tỉnh thu hút được 118 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng thêm đạt 57.527 tỷ đồng, tăng bình quân 4,4%/năm; trong đó, thu hút được 41 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng thêm đạt 31.814 tỷ đồng.

2. Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Hướng dẫn và triển khai thực hiện tốt cơ chế, chính sách về nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, đầu tư tài chính; thực hiện theo lộ trình nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục thực đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Chuyển từ cơ chế cấp phát sang đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước; chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý giá cả trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật về giá; đã ban hành nhiều văn bản điều hành, chỉ đạo trong công tác quản lý giá như: quy định giá tính thuế đối với tài nguyên; phê duyệt phương án điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt; quy định về giá tính lệ phí trước bạ

đối với nhà ở; quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; quy định quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá,... Thực hiện thẩm định phương án giá theo thẩm quyền các danh mục hàng hóa dịch vụ theo quy định tại Luật Giá và các văn bản vi phạm pháp luật có liên quan; thực hiện công khai minh bạch trong điều hành đối với giá hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu theo quy định của pháp luật về giá; công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng quy định, đáp ứng kịp thời yêu cầu chỉ đạo, điều hành công tác quản lý giá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Công tác quản lý thị trường tiếp tục được tăng cường, ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Thường xuyên theo dõi tình hình thị trường, những biến động của giá cả; diễn biến cung cầu, thị trường, giá cả, đề xuất giải pháp bình ổn thị trường; không để xảy ra tình trạng tăng giá đột biến ở một số mặt hàng thiết yếu. Thực hiện tốt cơ chế quản lý đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang cơ chế giá thị trường theo quy định của Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. Đến nay, giá dịch vụ, hàng hóa, dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá đảm bảo công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá; tính đúng, tính đủ chi phí và thực hiện giá thị trường theo lộ trình phù hợp.

Các chi nhánh Ngân hàng thương mại phát triển nhanh và phủ kín đến các địa phương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các nguồn vốn vay dễ dàng, nhất là cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; nguồn vốn huy động hàng năm đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn vay của các thành phần kinh tế. Tín dụng tăng trưởng phù hợp với cân đối vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế gắn liền với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro được kiểm soát chặt chẽ. Nhiều cơ chế, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong tiếp cận vốn, chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp được triển khai trong toàn tỉnh với nhiều cuộc hội nghị, đối thoại được tổ chức; các chương trình tín dụng chính sách được triển khai tích cực, hiệu quả góp phần quan trọng giúp tỉnh hoàn thành mục tiêu giảm nghèo; cơ cấu tín dụng tiếp tục có sự điều chỉnh tích cực, trong đó tín dụng tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, hỗ trợ tích cực cho tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển thủy sản, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp xuất khẩu. Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến tháng 6 năm 2023 đạt 91,69 ngàn tỷ đồng.

Việc phát triển thương mại điện tử đã có những bước tiến mới, chú trọng đến đào tạo nguồn nhân lực phát triển thương mại điện tử và hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử vào sản xuất, kinh doanh đã được Bộ Công Thương phê duyệt kinh phí thực hiện 05 Đề án, đến nay đã triển khai xong. Thực hiện Kế hoạch 309/KH-UBND ngày 10/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; kết quả, đã giúp doanh nghiệp

tiếp cận với các thông tin bổ ích về thương mại điện tử cũng như nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ nhóm chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam và hàng Việt Nam thuộc Danh mục của Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong những năm qua đã bước đầu khẳng định vị trí, vai trò tiên phong trong việc chuyển tải hiệu quả ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phần lớn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu đưa vào ứng dụng đã bước đầu phát huy hiệu quả, đóng góp tích cực vào việc hỗ trợ góp phần giúp cho tỉnh đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Giai đoạn 2018 - 2023, tỉnh đã triển khai 95 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (52 cấp tỉnh, 43 cấp cơ sở). Nội dung nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã bám sát vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung chủ yếu phục vụ các kế hoạch, đề án trọng tâm của tỉnh (phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp,...). Đạt được nhiều kết quả nổi bật trong lĩnh vực nông nghiệp (trên lúa, khóm, cây ăn trái; chăn nuôi; thủy sản), công nghệ, văn hóa, xã hội, y dược,... Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ đã thực hiện giải ngân cho 21 doanh nghiệp vay thực hiện tổng cộng 21 dự án ứng dụng, đổi mới khoa học và công nghệ với tổng số tiền 96,7 tỷ đồng. Ngoài ra, cùng với nguồn vốn cho vay Quỹ cũng đã thực hiện tài trợ cho 2 doanh nghiệp với 2,7 tỷ đồng để thực hiện dự án. Qua đó, tạo cầu nối giữa các nhà khoa học với các doanh nghiệp, gắn kết việc nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy quá trình chuyển giao, đổi mới, phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp.

Thường xuyên cập nhật, các chính sách về hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc tế, các cam kết quốc tế mà Việt Nam có tham gia; phát hành Bản tin Hàng rào kỹ thuật trong thương mại nhằm phổ biến, cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để hỗ trợ hoạt động tiếp cận thị trường xuất khẩu. Thực hiện có hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ; tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong tạo lập, đăng ký xác lập quyền, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ; hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu, xử phạt vi phạm hành chính liên quan xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ,... góp phần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 06/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 11/01/2022 thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và các Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh hàng năm. Đến nay, hướng dẫn cho các tổ chức/cá nhân lập hồ sơ đăng ký 174 nhãn hiệu, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký 53 nhãn hiệu, sửa đổi giấy chứng

nhận đăng ký 04 nhãn hiệu, đăng ký 05 giải pháp sáng chế hữu ích. Hỗ trợ tạo lập và đăng ký nhãn hiệu cho các sản phẩm đặc sản gồm 03 nhãn hiệu tập thể (sả Tân Phú Đông, sầu riêng Cai Lậy, măng cầu xiêm Tân Phú Đông); 05 nhãn hiệu chứng nhận (Mai chiếu thủy nu Gò Công, gạo Gò Công, dưa Gò Công, kẹo khóm Tân Phước, lạp xưởng Cai Lậy),... Ngoài ra cũng đã tổ chức 09 lớp tập huấn về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo lập và khai thác nhãn hiệu, quản trị tài sản trí tuệ trong các tổ chức nghiên cứu, kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ, vai trò của sở hữu trí tuệ trong sản xuất, kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ cho các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ sở kinh doanh, viện, trường trên địa bàn tỉnh.

3. Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Kinh tế của tỉnh phát triển tương đối toàn diện, chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GRDP theo giá so sánh 2010) bình quân 2017-2022 đạt 4,3%/năm (do ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19 các năm 2020, 2021). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Tỷ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 41,2% năm 2017 xuống còn 37,4% năm 2022; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 24,4% năm 2017 tăng lên 27,8% năm 2022; khu vực dịch vụ tăng từ 34,4% năm 2017 tăng lên 34,8% năm 2022. GRDP bình quân đầu người năm 2022 đạt 63,2 triệu đồng,... Đã quan tâm nâng cao năng lực phân tích, dự báo phục vụ công tác xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng của Trung ương về đổi mới căn bản và toàn diện công tác xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công thực sự theo cơ chế thị trường; gắn phát triển kinh tế - xã hội với phát triển bền vững; triển khai thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Đồng thời, luôn chú trọng kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế nhanh và bền vững với phát triển xã hội bền vững, thực hiện tiến bộ xã hội, công bằng xã hội, tạo cơ hội cho mọi thành viên trong xã hội tham gia bình đẳng và thụ hưởng công bằng thành quả từ quá trình phát triển hệ thống an sinh xã hội.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến tích cực, thực sự đi vào chiều sâu, chất lượng các danh hiệu ngày càng được quan tâm, chú trọng. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; huy động sự tham gia của các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng và xã hội thực hiện chính sách an sinh xã hội; khuyến khích người dân tự nguyện tham gia bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện tốt các chính sách với người có công, Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em... Toàn tỉnh hiện có 447.938/473.270 hộ đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa, đạt 94,6%; 1.005 ấp (khu phố) văn hóa, đạt tỷ lệ 100%;

166/172 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới/phường/thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị (trong đó có 137 xã và 29 phường, thị trấn); có 11/11 huyện, thành, thị trong tỉnh xây dựng và đã công nhận 69 chợ văn hóa; 17 công viên văn hóa; 882 con đường văn hóa, 557 cơ sở thờ tự văn hóa.

- Công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học luôn được quan tâm, thực hiện tốt cơ chế về huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa bảo vệ môi trường. Công tác thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được thẩm định chặt chẽ theo quy định, đảm bảo ngăn ngừa ô nhiễm môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Công tác quan trắc về môi trường đều được thực hiện định kỳ với tần suất 4 lần/năm (riêng quan trắc nước thải với tần suất 2 lần/năm); các thông số quan trắc môi trường dựa theo các quy chuẩn môi trường hiện hành; số liệu quan trắc được báo cáo, khai thác sử dụng hiệu quả, kịp thời cho công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường cũng như công tác quy hoạch, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương. Đã kiểm tra trên 250 cuộc và xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm; kết quả, đa phần các đơn vị được kiểm tra đều có nhận thức về công tác bảo vệ môi trường, có đầu tư các công trình xử lý chất thải, khí thải, tiếng ồn cho hoạt động của doanh nghiệp mình.

Đề chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động 20-CTr/TU ngày 16/5/2022 về thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn 1463-CV/TU ngày 07/3/2019 tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh; Công văn 1709-CV/TU ngày 13/9/2019 triển khai thực hiện Kết luận 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị; Chỉ thị 03-CT/TU ngày 29/6/2021 về việc thực hiện cuộc vận động toàn dân chung tay bảo vệ môi trường; Nghị quyết 18-NQ/TU ngày 07/7/2023 tiếp tục lãnh đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Qua đó, là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phổ cập giáo dục đạt nhiều thành tích, kết quả huy động học sinh ra lớp ở các bậc học đạt chỉ tiêu hàng năm đề ra; đã rà soát, sáp nhập các cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; ở mỗi huyện, thành, thị đều có 01 trường hoặc trung tâm thực hiện chức năng, nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp. Các trường đại học, cao đẳng và trung cấp hoàn thành việc cải tiến chương trình đào tạo hàng năm theo hướng giảm tải; trình độ giảng viên, giáo viên được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực trong thu hút các

nguồn lực xã hội phát triển giáo dục ngoài công lập, nhất là ở bậc mầm non. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên y tế được nâng lên, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân; đã kiểm soát và khống chế tốt các loại dịch bệnh theo chu kỳ, đặc biệt là công tác phòng, chống đại dịch Covid-19; công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

- Thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, nhiều chương trình, dự án thực hiện đạt hiệu quả, đặc biệt chú trọng các chương trình, dự án mang tính lưỡng dụng thúc đẩy nền kinh tế phát triển, sẵn sàng bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng. Tổ chức, bố trí, điều chỉnh dân cư khu vực ven biển theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt và củng cố thế trận quốc phòng an ninh, tập trung xây dựng các xã, thị trấn ven biển thành tuyến phòng thủ vững chắc trong thế trận phòng thủ chung của tỉnh. Những năm qua, việc thực hiện các chỉ tiêu về công tác đảm bảo an ninh, trật tự giai đoạn 2016-2020, 2021-2023 cơ bản đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra. Lực lượng Công an đã làm tốt công tác tham mưu, đề xuất cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, giải pháp đảm bảo an ninh trật tự. An ninh chính trị tiếp tục được giữ vững ổn định.

- Công tác quy hoạch của tỉnh có chuyên biến tích cực, thực hiện đúng quy định của Nhà nước và từng bước đi vào nề nếp, góp phần quan trọng trong triển khai thực hiện các định hướng phát triển, trong đầu tư và thu hút đầu tư. Chủ động thi hành Luật Quy hoạch, rà soát, tổng hợp danh mục các quy hoạch đã và đang thực hiện; xem xét, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm đã sản xuất, tiêu thụ được quyết định hoặc phê duyệt. Đồng thời, triển khai công tác lập quy hoạch tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đúng Luật Quy hoạch và theo hướng tích hợp các quy hoạch, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong định hướng phát triển; đến cuối năm 2023 sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. Ngoài ra, đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 10-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, trong quá trình định hướng phát triển đã chú trọng tính liên kết, kết nối giữa các địa phương trong vùng và các vùng trong tỉnh để khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, từng vùng phù hợp lợi ích chung của tỉnh; đồng thời, thực hiện liên kết hợp tác với các vùng và các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long, Tiểu vùng Đồng Tháp Mười, Tiểu vùng Duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long và ký kết hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An. Qua đó, từng bước khai thác được tiềm năng, lợi thế của tỉnh gắn với định hướng phát triển vùng và cả nước.

4. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

Hoạt động đối ngoại được tăng cường và mở rộng, đa dạng trên nhiều lĩnh vực, góp phần thực hiện tốt chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; thúc đẩy mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoạt động hội nhập quốc tế ngày càng đi vào thực chất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xúc tiến, vận động, thu hút các nguồn lực bên ngoài; công tác thông tin đối ngoại, quan hệ ngoại giao, hợp tác với địa phương các nước ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả; công tác ngoại giao kinh tế tiếp tục được tăng cường thông qua việc đưa các thông tin các doanh nghiệp, sản phẩm của tỉnh tham gia các hội chợ, hội nghị xúc tiến đầu tư nhằm tìm kiếm đối tác, các nhà đầu tư quốc tế; công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại thực hiện thông qua nhiều kênh (công Thông tin điện tử, ấn phẩm thông tin đối ngoại, các lớp tập huấn...) đảm bảo kịp thời thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước đến công chúng.

Tiếp tục đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa; kịp thời thông tin đến các doanh nghiệp các hội chợ, triển lãm, cơ hội xúc tiến thương mại. Hàng tháng, đã thông tin cho doanh nghiệp về thị trường xuất nhập khẩu các mặt hàng chủ lực, có lợi thế cạnh tranh của tỉnh qua đường thư điện tử và được đăng trên Công Thông tin điện tử tỉnh, ... Thường xuyên tổ chức các Hội nghị tập huấn, tuyên truyền về các Hiệp định thương mại tự do (FTA); các chính sách của thị trường xuất khẩu. Các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được tổ chức triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế; đã tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động du lịch như: Bản đồ du lịch điện tử; Ứng dụng tra cứu thông tin du lịch, thực hiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hướng dẫn viên du lịch và quản lý dữ liệu doanh nghiệp lữ hành; thực hiện hơn 20 video clip tại các điểm du lịch, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh nhằm quảng bá hình ảnh du lịch, văn hóa và con người Tiền Giang,... Phối hợp tổ chức thành công Hội nghị gỡ gỡ các công ty tư vấn Nhật Bản xúc tiến đầu tư tại Tiền Giang; Hội nghị “Kết nối kiều bào địa phương - Chung sức xây dựng quê hương, hội nhập và phát triển”; tiếp xúc Hội Doanh nhân và Đầu tư Việt Nam - Hàn Quốc để thu hút nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng và thế mạnh của tỉnh như các dự án phát triển dịch vụ du lịch; tham dự các cuộc gặp cơ quan ngoại giao, tiếp xúc các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, cấp vùng, cấp quốc gia.

5. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đảm bảo quyền sở hữu tài sản hợp pháp, quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; bảo đảm sự ổn định, nhất quán của các chính sách để doanh nghiệp, nhà đầu tư yên tâm sản xuất, kinh doanh; ổn định kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn cho doanh nghiệp phát triển, có chính sách hỗ trợ đặc thù để phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa,

doanh nghiệp khởi nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư tuân thủ tốt các quy định của pháp luật; việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các vấn đề liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm tính công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm nhằm tạo môi trường giao dịch thông suốt, bảo đảm hiệu lực thực thi. Thường xuyên rà soát, công bố danh mục thủ tục hành chính trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, bộ phận một cửa theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch và phát động chuyên đề thi đua, ban hành Chỉ thị tăng cường công tác cải cách hành chính hàng năm. Bên cạnh đó, đã tổ chức gặp gỡ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Nhân dân 173 xã, phường, thị trấn về Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công năm 2018 - 2019; tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp và người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính; thí điểm thực hiện chính quyền số; ban hành Bộ khung tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công.

Trong công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện pháp luật của địa phương, tỉnh luôn chú trọng đến công tác góp ý, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mang tính định hướng chiến lược phục vụ phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, tiềm năng của tỉnh, góp phần đảm bảo chất lượng, có tính khả thi cao của văn bản quy phạm pháp luật, phục vụ có hiệu quả công tác quản lý Nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả, đã kịp thời phát hiện, kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung những văn bản không còn phù hợp, xử lý các văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc ban hành văn bản mới thay thế, góp phần đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật ở địa phương. Hằng năm, ban hành Quyết định Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần. Từ năm 2017 đến nay, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 307 văn bản quy phạm pháp luật (136 nghị quyết và 171 quyết định) phục vụ công tác quản lý Nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác thanh tra, kiểm tra tuân thủ các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước được tiến hành thường xuyên, đạt kết quả cao. Qua 06 năm, toàn ngành đã tiến hành 405 cuộc thanh tra, (trong đó có 62 cuộc đột xuất), phát hiện vi phạm tổng số tiền 334,5 tỷ đồng và 62.526,8m² đất; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách Nhà nước số tiền 91,7 tỷ đồng, thu hồi 4.256m² đất; kiến nghị xử lý khác số tiền 242,82 tỷ đồng, 58.270,8m² đất; kiến nghị xử lý hành chính 90 tập thể, 1.904 cá nhân; lập thủ tục thu hồi 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhiều kiến nghị chấn chỉnh quản lý; chuyển cơ quan điều tra 10 vụ, 67 đối tượng.

Công tác phòng, chống tham nhũng đạt kết quả tích cực. Tổ chức 02 Hội nghị trực tuyến triển khai Luật phòng chống tham nhũng năm 2018, Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và Kế hoạch 352/KH-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, có 38,7 ngàn người

tham dự; xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng hàng năm trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo, quy định về phòng chống tham nhũng; Chương trình phối hợp 106/CTrPH-UBND-UBMTTQ ngày 24/4/2018 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,... Đã tổ chức kiểm tra 53 cơ quan, đơn vị, kịp thời kiến nghị chấn chỉnh các hạn chế, thiếu sót trong thực hiện.

Thực hiện Quyết định 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch 208/KH-UBND ngày 03/8/2017 để thực hiện. Qua đó, đã tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội; động viên, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tăng cường đầu tư vào các hoạt động sáng tạo văn hóa, sản xuất các sản phẩm và dịch vụ văn hóa. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc tăng cường năng lực quản lý và thực thi có các giải pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

III- HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế yếu kém do nguyên nhân khách quan

- Phần lớn kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã được chuyển giao ứng dụng nhưng vấn đề thương mại hóa chưa cao; khả năng nhân rộng của các đơn vị tiếp nhận kết quả nghiên cứu còn nhiều hạn chế. Các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất đạt hiệu quả, tuy nhiên do vốn đầu tư mô hình còn hạn chế, việc đầu tư còn phân tán, quy mô nhỏ nên chưa tạo sự chuyển biến lớn trong sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Tỉnh có nhiều sản phẩm được cấp bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể; tuy nhiên, các chủ sở hữu vẫn chưa thật sự quan tâm đến việc khai thác tối đa lợi thế này. Tốc độ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, sản phẩm làm ra chưa mang tính cạnh tranh cao trên thị trường; một số doanh nghiệp còn thiếu kinh nghiệm trong đàm phán về chuyển giao công nghệ.

- Chính sách đầu tư tầm vĩ mô cho lĩnh vực văn hóa, giáo dục - đào tạo còn hạn chế, chưa đồng bộ; mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình hội nhập, phát triển đa dạng, đa chiều các sản phẩm văn hóa, làm ảnh hưởng đến một bộ phận nhân dân, nhất là trong thanh thiếu niên; sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, truyền thông, giải trí, các trang mạng xã hội cùng với quá trình giao lưu văn hóa, bên cạnh mặt tích cực thì những tiêu cực đã tạo ra nhiều thách thức, khó khăn cho công tác lãnh đạo, quản lý, hoạt động văn hóa, nhất là ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

- Một số hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động còn mang tính tự phát; hoạt động mang tính thời vụ nên hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa hiệu quả; phần lớn cán bộ quản lý của các tổ hợp tác có trình độ quản lý và năng lực điều hành còn yếu, thiếu chuyên môn nghiệp vụ, chưa thật sự quan tâm đến lợi ích của tập thể.

- Các loại thị trường hình thành, phát triển còn chậm, chưa thật sự đồng bộ, thông suốt; tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại còn diễn biến phức tạp; tình trạng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn xảy ra. Nhiều hàng hóa có uy tín bị làm giả, làm nhái. Hệ thống phân phối hàng hóa qua nhiều tầng, nấc trung gian làm tăng chi phí lưu thông; thương nghiệp Nhà nước, thương nghiệp hợp tác xã chiếm tỷ trọng nhỏ trên thị trường. Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng rất lớn so với yêu cầu phát triển; nguồn vốn đầu tư từ ngân sách có hạn, kết quả xã hội hóa trong đầu tư chưa cao; tình hình mời gọi thu hút đầu tư vào các dự án hạ tầng, phát triển khoa học và công nghệ còn nhiều khó khăn. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa còn chiếm tỷ lệ khá cao (chiếm trên 99% trong tổng số doanh nghiệp), nhất là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, vốn ít, gặp nhiều khó khăn trong quá trình mở rộng sản xuất và phát triển thị trường, các doanh nghiệp chưa nắm bắt, tận dụng từ các ưu đãi của các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia để tạo ưu thế cạnh tranh trên thị trường thế giới.

2. Hạn chế yếu kém do nguyên nhân chủ quan

Một số nơi, cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, tổ chức chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của văn hóa, nhân tố con người trong xây dựng, phát triển xã hội; chưa quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý nghĩa việc xây dựng nhân tố con người đảm bảo các tố chất để góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong lãnh đạo, quản lý, một số ít cấp cơ sở chưa tạo được phong trào quần chúng mạnh mẽ tham gia phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá của dân tộc; đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa nhất là ở cơ sở còn thiếu và yếu về chuyên môn, nghiệp vụ nên ảnh hưởng đến xây dựng và phát triển văn hóa cơ sở.

IV- NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện cơ chế, chính sách về nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó đưa ra lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước như sau: “*Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá)*”. Tỉnh đã ban hành giá dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước của một số lĩnh vực theo quy định; tuy nhiên, khi áp dụng đặt

hàng theo giá dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước trên cơ sở tính đủ chi phí để đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập phát sinh khó khăn, bất cập, cụ thể: Nguồn ngân sách Nhà nước chi thực hiện đặt hàng đối với giá tính đủ chi phí cho đơn vị sự nghiệp công lập cao hơn khi ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí trong trường hợp đơn vị chưa tự bảo đảm được chi thường xuyên đối với các hoạt động, như: (i) Đối với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Quan trắc Môi trường và Tài nguyên tỉnh thì đặt hàng theo giá tính đủ chi phí cao hơn 02 lần so với giao dự toán cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị trên cơ sở định mức dân số; (ii) Đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, đặt hàng theo giá tính đủ chi phí thực hiện đặt hàng cao hơn từ 1,5 đến 02 lần (đối với khối giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông) khi thực hiện giao dự toán theo giá chưa tính đủ chi phí. Từ thực tế nêu trên, ngân sách địa phương chưa thể đảm bảo thực hiện đặt hàng theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về quản lý tài sản công; bảo đảm chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Phần mềm Quản lý tài sản công chưa hoạt động ổn định nên việc cập nhật dữ liệu của các đơn vị vào phần mềm có chậm trễ, đôi lúc khó lấy số liệu từ phần mềm khó thực hiện. Một số đơn vị sự nghiệp có sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết chưa kịp thời xây dựng đề án dẫn đến việc sử dụng tài sản cho thuê, liên doanh, liên kết chưa phù hợp.

3. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

- Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn hạn chế; một số thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở có diện tích, quy mô nhỏ, xây dựng từ lâu nên đã xuống cấp; trang thiết bị chưa đảm bảo, kinh phí hỗ trợ hoạt động nhà văn hóa còn hạn chế, chủ yếu huy động từ nguồn xã hội hóa nên chưa đáp ứng được hoạt động; công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao so với nhu cầu thực tế chưa cao, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao, nhất là cán bộ ở cơ sở còn thiếu và yếu,... ảnh hưởng đến việc xây dựng, quản lý và tổ chức các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

- Phong trào xây dựng xã, ấp văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa tuy đạt được kết quả về số lượng, song vẫn còn một số địa phương, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến chất lượng; Ban Chỉ đạo các cấp từng lúc, từng nơi hoạt động chưa mang lại hiệu quả cao; chưa tạo được mô hình các điểm sáng văn hóa để nhân rộng.

- Công tác thông tin, truyền thông đóng vai trò quan trọng và đạt nhiều kết quả trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người của tỉnh, nhưng vẫn còn hạn chế nhất định; sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong giáo dục toàn diện, nhất là về đạo đức, nhân cách cho học sinh chưa đồng bộ, chặt chẽ; công tác truyền

thông, giới thiệu gương tốt, phê phán sự việc chưa tốt để định hướng dư luận xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng đôi lúc chưa nhiều, chưa sâu sắc.

V- ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua triển khai thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW, nhận thức của cán bộ đảng viên, nhân dân và doanh nghiệp về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo cho các thành viên, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản hàng hóa; tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá nông sản chủ lực, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là chế biến nông sản; hỗ trợ các hợp tác xã kết nối liên kết tiêu thụ; tham mưu ban hành các văn bản thuộc phạm vi quản lý của ngành phù hợp tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý Nhà nước; kịp thời phát hiện các bất cập trong chính sách, pháp luật để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, tạo môi trường pháp lý cho phát triển kinh tế tư nhân; xử lý tốt chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp; kịp thời phòng ngừa và xử lý tham nhũng theo quy định, đặc biệt là trong giải quyết công việc, công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo; góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

VI- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Chính phủ

Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, vì mức giá quy định tại Quyết định này đã không còn phù hợp với thị trường, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện. Việc xử lý bán tài sản công trong trường hợp đấu giá không thành theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và pháp luật về đấu giá tài sản; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với việc đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất cho người tham gia đấu giá với tư cách là người tham gia đấu giá liên danh.

2. Các bộ, ngành Trung ương

- *Bộ Khoa học và Công nghệ*: Sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 03/2015/TT-BKH&CN ngày 09/3/2015 ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng điều chỉnh lãi suất cho vay của các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại các địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, nâng cao năng

lực cạnh tranh. Tăng cường tổ chức tập huấn, đào tạo lực lượng cán bộ cho các địa phương trong việc xây dựng và triển khai thực hiện “Chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn đến năm 2030”.

- *Bộ Tài chính*: Nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn Nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (HN, TPHCM),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các ban đảng, BCS đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Cấp ủy các huyện và tương đương,
- Phòng Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

